**PPCT:**

**Bài 29**

**ĐỊA LÍ MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

(Số tiết: …………. tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Trình bày được vai trò, đặc điểm, phân bố của công nghiệp khai thác than, dầu khí, quặng kim loại.

- Trình bày được vai trò, đặc điểm và phân bố của công nghiệp điện lực, công nghiệp điện tử - tin học, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm.

- Đọc được bản đồ công nghiệp, vẽ và phân tích được biểu đồ công nghiệp.

- Giải thích được sự phân bố của các ngành công nghiệp: CN khai thác than, dầu khí, quặng kim loại ; công nghiệp điện lực, công nghiệp điện tử - tin học, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm.

**2. Về năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

* Tự học tự chủ:

- Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

- Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp.

- Ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.

* Giao tiếp hợp tác:

- Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá các vấn đề.

- Biết chủ động trong giao tiếp, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.

* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có thể sử dụng các phương tiện công nghệ để hỗ trợ tìm kiếm thông tin liên quan đến nội dung bài học

**b. Năng lực địa lí**

* Nhận thức khoa học địa lí:

- Sử dụng bản đồ để xác định sự phân bố của các ngành công nghiệp trên thế giới.

* Tìm hiểu địa lí:

- Tìm hiểu các hình ảnh, clip để rút ra nhận định bài học.

* Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

- Liên hệ được sự phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam.

- Giải thích được vì sao các ngành SX hàng tiêu dùng và thực phẩm lại có vai trò quan trọng trong nền kinh tế các nước đang phát triển.

- Giải thích được tai sao CN điện tử - tin học là ngành công nghiệp mũi nhọn của nhiều nước.

**3. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: tích cực tìm thông tin và hứng thú với việc học.

- Trách nhiệm: Hoàn thành nhiệm vụ học tập bản thân được phân công khi làm việc nhóm, làm bài tập vận dụng. Có ý thức phối hợp tích cực với các thành viên khác trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả của hoạt động nhóm.

- Yêu nước: HS nhận thức Việt Nam đang trong quá trình CNH, HĐH đất nước, cần xác định và phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Giáo án, 1 số bản đồ phân bố ngành công nghiệp.

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính có kết nối internet.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (Tình huống xuất phát) - 7 phút**

**a. Mục tiêu:**

- Kiểm tra lại kiến thức bài cũ và dẫn dắt vào kiến thức bài mới.

- Tạo hứng thú học tập, kích thích tò mò giúp học sinh nắm được bài học thông qua một số liên hệ thực tiễn để kết nối bài mới.

**b. Nội dung:** Kể tên các ngành công nghiệp mà em biết. Các ngành công nghiệp đó khác nhau ở những điểm chính nào?

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

* **Bước 1 – Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ cho HS theo hình thức cá nhân/cặp đôi**.**
* **Nhiệm vụ:** Kể tên các ngành công nghiệp mà em biết. Các ngành công nghiệp đó khác nhau ở những điểm chính nào?
* **Thời gian:** 2 phút
* **Bước 2 – Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, trao đổi cặp đôi để trả lời câu hỏi. GV quan sát và hỗ trợ HS.

**Bước 3 – Báo cáo, thảo luận:** GV chỉ định học sinh trả lời câu hỏi, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (…. phút)**

**NỘI DUNG 1: TÌM HIỂU VỀ CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC THAN, DẦU KHÍ, QUẶNG KIM LOẠI (…. PHÚT)**

**a. Mục tiêu**

- Trình bày được vai trò, đặc điểm và phân bố ngành công nghiệp khai thác than, dầu khí, quặng kim loại.

- Xác định được trên bản đồ sự phân bố của ngành công nghiệp khai thác than, dầu khí và quặng kim loại

- Liên hệ được sự phân bố ngành công nghiệp khai thác than, dầu khí, quặng kim loại của Việt Nam.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu vai trò, đặc điểm và phân bố ngành công nghiệp khai thác than, dầu khí, quặng kim loại.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm hoạt động nhóm của học sinh

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | CN khai thác than | CN khai thác dầu khí | CN khai thác quặng kim loại |
| 1. Vai trò | - Là nguồn năng lượng truyền thống và cơ bản.- Được sử dụng làm nhiên liệu cho CN nhiệt điện, luyện kim.- Làm nguyên liệu cho CN hóa chất. | - Là nguồn năng lượng truyền thống và cơ bản.- Nguyên liệu để xuất hoá phẩm, dược phẩm- Xuất khẩu dầu khí là nguồn thu ngoại tệ chủ yếu của nhiều nước. | - Phát triển gắn liền với CNH.- Sử dụng để SX máy móc, thiết bị, làm vật liệu trong xây dựng, GTVT- Được sử dụng nhiều ở các thiết bị trong đời sống... |
| 2. Đặc điểm | - Xuất hiện sớm.- Gây ô nhiễm môi trường. | - Các mỏ dầu phân bố sâu trong lòng đất.- Việc khai thác phụ thuộc vào tiến bộ KH – KT, tác động mạnh tới sự phát triển KT thế giới.- Ảnh hưởng lớn đến MT và gây biến đổi khí hậu. | - Gồm: KL đen, KL màu, KL quý, KL hiếm…- Có nguy cơ ngày càng cạn kiệt và gây ô nhiễm MT. |
| 3. Phân bố | Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ, In – đô – nê – xi – a, LB Nga… | - Các quốc gia khai thác dầu: Ả - rập Xê – Út, I – ran, Hoa Kỳ- Các quốc gia khai thác khí: Hoa Kỳ, LB Nga, Ca – ta, I – ran… | - Sắt (LB Nga, Trung Quốc, U - crai – na, Ấn Độ, Bra – xin, Hoa Kỳ…)- Bô xít (Ô – xtrây – li – a, Gia – mai – ca, Bra - xin).- Đồng: Chi lê, Hoa Kì, Ca – na – đa, LB Nga… |
| 4. Liên hệ Việt Nam | - Sản lượng khai thác ngày càng tăng.- Phân bố nhiều ở TDMNBB, đặc biệt tỉnh Quảng Ninh. | - Khai thác từ 1986 và sản lượng ngày càng tăng.- CN khai thác dầu khí phát triển ở Vũng Tàu. | - Phân bố rộng khắp cả: Vàng (Quảng Nam), Bô xít (Tây Nguyên), Sắt (Cao Bằng)… |

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ:**

* GV cho HS hoạt động nhóm/cặp đôi.
* Yêu cầu: HS nghiên cứu nội dung mục 1 SGK tr 81 để hoàn thiện phiếu học tập
* Thời gian: 4 phút

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | CN khai thác than | CN khai thác dầu khí | CN khai thác quặng kim loại |
| 1. Vai trò |  |  |  |
| 2. Đặc điểm |  |  |  |
| 3. Phân bố |  |  |  |
| 4. Liên hệ Việt Nam |  |  |  |

**- Bước 2 -Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát và hổ trợ HS kịp thời.

**- Bước 3 - Báo cáo, thảo luận:** GV chỉ định học sinh trả lời câu hỏi, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức.

* **Mở rộng kiến thức cho HS:** Kĩ thuật Think – Pair – Share (2 phút)

**Câu hỏi:** THEO EM, TRONG TƯƠNG LAI, CÁC NGÀNH CN KHAI THÁC THAN, KHAI THÁC DẦU KHÍ, KHAI THÁC QUẶNG KIM LOẠI SẼ PHÁT TRIỂN NHƯ THẾ NÀO? TẠI SAO?

**NỘI DUNG 2: TÌM HIỂU VỀ CN ĐIỆN LỰC (…… PHÚT)**

**a. Mục tiêu**

- Trình bày được vai trò, đặc điểm và giải thích được sự phân bố ngành công nghiệp điện lực.

- Liên hệ được sự phân bố các nhà máy điện của Việt Nam.

**b. Nội dung**

- Dựa vào thông tin mục 2 tr82 và hình 29.2, hãy trình bày vai trò, đặc điểm và giải thích được sự phân bố công nghiệp điện lực.

- Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam, kể tên được các nhà máy nhiệt điện và thuỷ điện của nước ta

**c. Sản phẩm**

**- Vai trò:** Ngành không thể thiếu trong xã hội hiện đại, cơ sở để tiến hành cơ khí hoá, tự động hóa sản xuất, điều kiện để đáp ứng nhiều nhu cầu trong đời sống xã hội, đảm bảo an ninh quốc gia.

**- Đặc điểm:** Có nhiều nguồn sản xuất điện, đòi hỏi vốn đầu tư rất lớn, đặc biệt là hệ thống truyền tải điện, sản phẩm không lưu giữ được.

**- Phân bố:** Tập trung chủ yếu ở các nước phát triển và một số nước đang phát triển (Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, LB Nga, Ấn Độ, Ca – na – đa…) do nhu cầu sử dụng điện trong sản xuất và đời sống ở các nước này rất lớn.

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin mục 2 tr82 và hình 29.2

* Hãy trình bày vai trò, đặc điểm và giải thích được sự phân bố công nghiệp điện lực.
* Thời gian: 3 phút.

**- Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp nhận nhiệm vụ, đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ. GV quan sát và hỗ trợ học sinh.

**- Bước 3 - Báo cáo, thảo luận:** GV cho 2 HS xung phong báo cáo kết quả thực hành để đối chiếu.

* **Bước 4 - Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức.

**\*Liên hệ Việt Nam:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam, kể tên được các nhà máy nhiệt điện và thuỷ điện của nước ta

**- Bước 1:** GV chiếu lược đồ CN điện Việt Nam lên màn hình máy chiếu.

**- Bước 2:** Trong thời gian 1 phút, kể tên được số lượng nhà máy nhiệt điện và thuỷ điện nhiều nhất.

**NỘI DUNG 2: TÌM HIỂU VỀ CN ĐIỆN TỬ, TIN HỌC, CN SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG, CN THỰC PHẨM (…….. PHÚT)**

**a. Mục tiêu**

- Trình bày được vai trò, đặc điểm và giải thích được sự phân bố ngành công nghiệp điện tử, tin học, CN sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm.

- Giải thích được vì sao các ngành SX hàng tiêu dùng và thực phẩm lại có vai trò quan trọng trong nền kinh tế các nước đang phát triển.

- Giải thích được tai sao CN điện tử - tin học là ngành công nghiệp mũi nhọn của nhiều nước.

**b. Nội dung**

- Dựa vào thông tin mục 2 tr83, mục 4 tr84 và hình 29.3, mục 5 tr 85 hãy trình bày vai trò, đặc điểm và giải thích được sự phân bố công nghiệp điện điện tử, tin học, sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm.

**c. Sản phẩm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **CN điện tử, tin học** | **CN SX hàng tiêu dùng** | **CN thực phẩm** |
| **Vai trò** | - Tạo ra những thay đổi lớn trong phương thức SX, đời sống XH, hỗ trợ tái tạo và bảo vệ môi trường.- Làn ngành CN mũi nhọn của nhiều nước.- Là thước đo trình độ phát triển KT, kĩ thuật của mọi quốc gia | - Là ngành không thể thiếu trong cơ cấu CN của mọi quốc gia.- SX ra các hàng hoá thông dụng, phục vụ cuộc sống hằng ngày của người dân và xuất khẩu.- Tận dụng nguồn lao động tại chỗ, huy động sức mạnh của các thành phần kinh tế. | - Cung cấp sản phẩm đáp ứng nhu cầu hằng ngày về ăn uống của con người.- Thúc đẩy nông nghiệp phát triển.- Tạo ra nhiều mặt hàng xuất khẩu.- Tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. |
| **Đặc điểm** | - Là ngành CN non trẻ, đòi hỏi nguồn lao động có trình độ chuyên môn cao CSHT và CSVC – KT phát triển.- Sản phẩm phong phú, đa dạng, luôn thay đổi theo hướng HĐH.- Ít gây ô nhiễm môi trường. | - Đòi hỏi vốn đầu tư ít, hoàn vốn nhanh, thời gian xây dựng ngắn, quy trình đơn giản.- Chịu ảnh hưởng từ nhân ông, nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ sp, gây ô nhiễm môi trường không khí và nước. | - Sản phẩm của ngành công nghiệp thực phẩm rất phong phú, đa dạng. - Nguyên liệu chủ yếu là các sản phẩm từ ngành trồng trọt, chăn nuôi, thuỷ sản.- Vấn đề an toàn thực phẩm được chú trọng. |
| **Phân bố** | Ở hầu hết ở các nước phát triển và một số nước đang phát triển: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước châu Âu, Trung Quốc, Ấn Độ… | - Phân bố rộng rãi trên thế giới, đặc biệt ở các nước có nhân lực dồi dào, giá nhân công rẻ, thị trường tiêu thụ lớn: Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản… | - Có mặt ở tất cả các quốc gia, đặc biệt là các nước có nguồn nguyên liệu dồi dào, có như cầu tiêu thụ lớn: Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ, EU, |

**d. Tổ chức thực hiện**

**- Bước 1 - Chuyển giao nhiệm vụ:**

* GV chia lớp thành 3 nhóm – NHÓM CHUYÊN GIA, giao nhiệm vụ cho các nhóm (thực hiện ở tiết học thứ nhất)
* Nhiệm vụ: Nghiên cứu nội dung SGK, tìm hiểu Internet để hoàn thành nội dung về ngành công nghiệp. Sản phẩm có thể là Infographic, Tranh ảnh, Mapinfor…

- Nhóm 1: Tìm hiểu vai trò, đặc điểm, phân bố ngành điện tử, tin học.

- Nhóm 2: Tìm hiểu vai trò, đặc điểm, phân bố ngành sản xuất hàng tiêu dùng.

- Nhóm 3: Tìm hiểu vai trò, đặc điểm, phân bố ngành công nghiệp thực phẩm.

* GV cho HS bản tiêu chí đánh giá để HS thực hiện sản phẩm và đánh giá sản phẩm.

**- Bước 2 - Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp nhận nhiệm vụ, Thực hiện nhiệm vụ ở nhà, GV hỗ trợ HS qua zalo, chat…

**- Bước 3 - Báo cáo, thảo luận:**

* Các nhóm treo sản phẩm của mình lên vị trí đã quy định.
* GV yêu cầu các thành viên đánh số thứ tự từ 1 đến 8. GV quy định các số thứ tự di chuyển vào vị trí quy định => Thành lập NHÓM MẢNH GHÉP.
* Các nhóm di chuyển lần lượt qua các trạm tranh, đến trạm của chuyên gia nào chuyên gia đó sẽ báo cáo sản phẩm, các chuyên gia của nhóm khác đặt câu hỏi và nhận xét.
* Thời gian của mỗi trạm: 3 phút.

**- Bước 4 - Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức.

**\*GV mở rộng kiến thức cho HS:**

* **Câu hỏi 1:** Giải thích được vì sao các ngành SX hàng tiêu dùng và thực phẩm lại có vai trò quan trọng trong nền kinh tế các nước đang phát triển.
* **Câu hỏi 2**: Giải thích được tai sao CN điện tử - tin học là ngành công nghiệp mũi nhọn của nhiều nước.

**3. Hoạt động 3: Luyện tập (3 phút)**

**a. Mục tiêu**

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí.

- Sử dụng các công cụ của địa lí học

**b. Nội dung**

- Vẽ biểu đồ thể hiện sản lượng dầu mỏ và điện của thế giới giai đoạn 2000 – 2019 và nhận xét.

**c. Sản phẩm**

- Sản phẩm của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ cho HS.
* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ được giao.
* **Báo cáo, thảo luận:** Báo cáo sản phẩm vào tiết học sau.
* **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả, tổng kết hoạt động.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (1 phút)**

**a. Mục tiêu**

- Vận dụng kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Trả lời của hỏi “Tại sao, sản lượng tiêu thụ điện là tiêu chí để đánh giá sự phát triển của một quốc gia”.

**c. Sản phẩm:** Nội dung trả lời cho yêu cầu được đưa ra ở mục tổ chức thực hiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ**: GV giao nhiệm vụ cho HS

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS về nhà thực hiện nhiệm vụ, ghi lại thông tin.

**- Báo cáo, kết luận:** Thực hiện vào tiết thực hành.======================================

**=====================================**